



THUỐC NHỎ MẮT VÀ NƯỚC MẮT NHÂN TẠO

DS NGÔ TUYẾT PHƯƠNG - KHOA DƯỢC

THÁNG 10 - 2023

ĐỊNH NGHĨA THUỐC NHỎ MẮT

Theo định nghĩa của Dược điển Việt Nam IV: “Thuốc nhỏ mắt là dung dịch nước, dung dịch dầu hoặc hỗn dịch vô khuẩn của một hay nhiều hoạt chất, dùng để nhỏ vào mắt. Chế phẩm cũng có thể được bào chế dưới dạng khô (bột, bột đông khô, viên nén) vô khuẩn, được hòa tan hoặc phân tán vào một chất lỏng vô khuẩn thích hợp khi dùng”



LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

Đối với **dung dịch** thuốc nhỏ mắt phải trong suốt, không có các tiểu phân quan sát được bằng mắt thường.

Đối với thuốc nhỏ mắt dạng **hỗn dịch, nhũ tương** có thể lắng đọng khi để yên hoặc tách lớp thì việc lắc kỹ lọ hoặc ống thuốc trước khi sử dụng sẽ giúp thành phần thuốc được phân tán đồng nhất, đem lại tác dụng tối ưu trên mắt.

Đối với thuốc nhỏ mắt dạng **ống đơn liều**, không chứa chất bảo quản vì thế không chịu các tác động bất lợi từ chất bảo quản và chỉ có thể dùng trong vòng 12 - 24 giờ sau khi mở nắp.

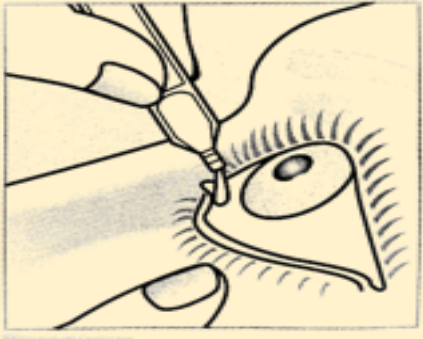
DANH MỤC THUỐC NHỎ MẮT CẦN LẮC TRƯỚC KHI SỬ DỤNG

Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế	Cách sử dụng
Nội trú				 Lắc đều lọ thuốc hoặc ống thuốc trước khi sử dụng
Besivance	Besifloxacin	0,6%	Hỗn dịch	
Azopt	Brinzolamid	1%	Hỗn dịch	
Azarga	Brinzolamid + Timolol	10mg/ml + 5mg/ml	Hỗn dịch	
Maxitrol	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B	(1mg + 3.500IU + 6.000IU)/ml	Hỗn dịch	
Tobradex	Dexamethason + Tobramycin	0,3%	Hỗn dịch	
Flumetholon	Fluorometholon	0,02%	Hỗn dịch	
		0,1%	Hỗn dịch	
FML	Fluorometholon	0,1%	Hỗn dịch	
Lotemax	Loteprednol etabonat	0,5%	Hỗn dịch	
Nevanac	Nepafenac	0,1%	Hỗn dịch	
Kary Uni	Pirenixin	0,005%	Hỗn dịch	
Pred Forte	Prednisolon	1%	Hỗn dịch	
Restasis	Cyclosporin	0,05% (0,4ml)	Nhũ tương	
Systane Ultra	Propylen glycol + Polyethylen glycol	0,3% + 0,4%	Dung dịch	
Systane Ultra UD	400	0,3% + 0,4% (0,5ml)	Dung dịch	

DANH MỤC THUỐC NHỎ MẮT CẦN LẮC TRƯỚC KHI SỬ DỤNG

Nhà thuốc (bao gồm cả các thuốc liệt kê trong phần nội trú)				
Eporon	Fluorometholon	0,1%	Hỗn dịch	
Lotecor	Loteprednol etabonat	0,5%	Hỗn dịch	
Eyrus	Dexamethason + Neomycin + Polymyxin B	(1mg + 12,25mg + 6.000UI)/ml	Hỗn dịch	
Natamycin	Natamycin	5%	Hỗn dịch	
Cationorm	Dầu khoáng + glycerol tyloxapol + poloxamer 188 + tris hydroclorid + tromethamin + cetalkonium clorid + nước pha tiêm vđ	1% + 1,6% + 0,3% + 0,1% + 0,071% + 0,006% + 0,002% (0,4ml)	Nhũ tương	

DANH MỤC THUỐC DẠNG ống ĐƠN LIỀU

Cách sử dụng	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ	Dạng bào chế
 1. Vặn rời nắp ống thuốc  2. Nhỏ dịch thuốc vào mắt	Nội trú			
	Vismed	Natri hyaluronat	0,18% (0,3ml)	Dung dịch
	Sanlein Mini		0,1% (0,4ml)	Dung dịch
	Optive UD	Natri carboxymethylcellulose + Glycerin	0,5% + 0,9% (0,4ml)	Dung dịch
	Acuvail	Ketorolac tromethamin	0,45% (0,4ml)	Dung dịch
	Restasis	Cyclosporin	0,05% (0,4ml)	Nhũ tương
	Systane Ultra UD	Propylen glycol + Polyethylen glycol 400	0,3% + 0,4% (0,5ml)	Dung dịch
	Nhà thuốc (bao gồm cả các thuốc liệt kê trong phần nội trú)			
	Hyaluron Eye Drops	Natri hyaluronat	0,1% (0,88ml)	Dung dịch
	Lacrifresh moisture unidose		0,1% (0,4ml)	Dung dịch
	Gilan-Comfort		0,18% (0,4ml)	Dung dịch
	Gilan Ultra-Comfort		0,3% (0,4ml)	Dung dịch

DANH MỤC THUỐC DẠNG ống ĐƠN LIỀU



2. Nhỏ dịch thuốc vào mắt



3. Không được tái sử dụng sau 24 giờ

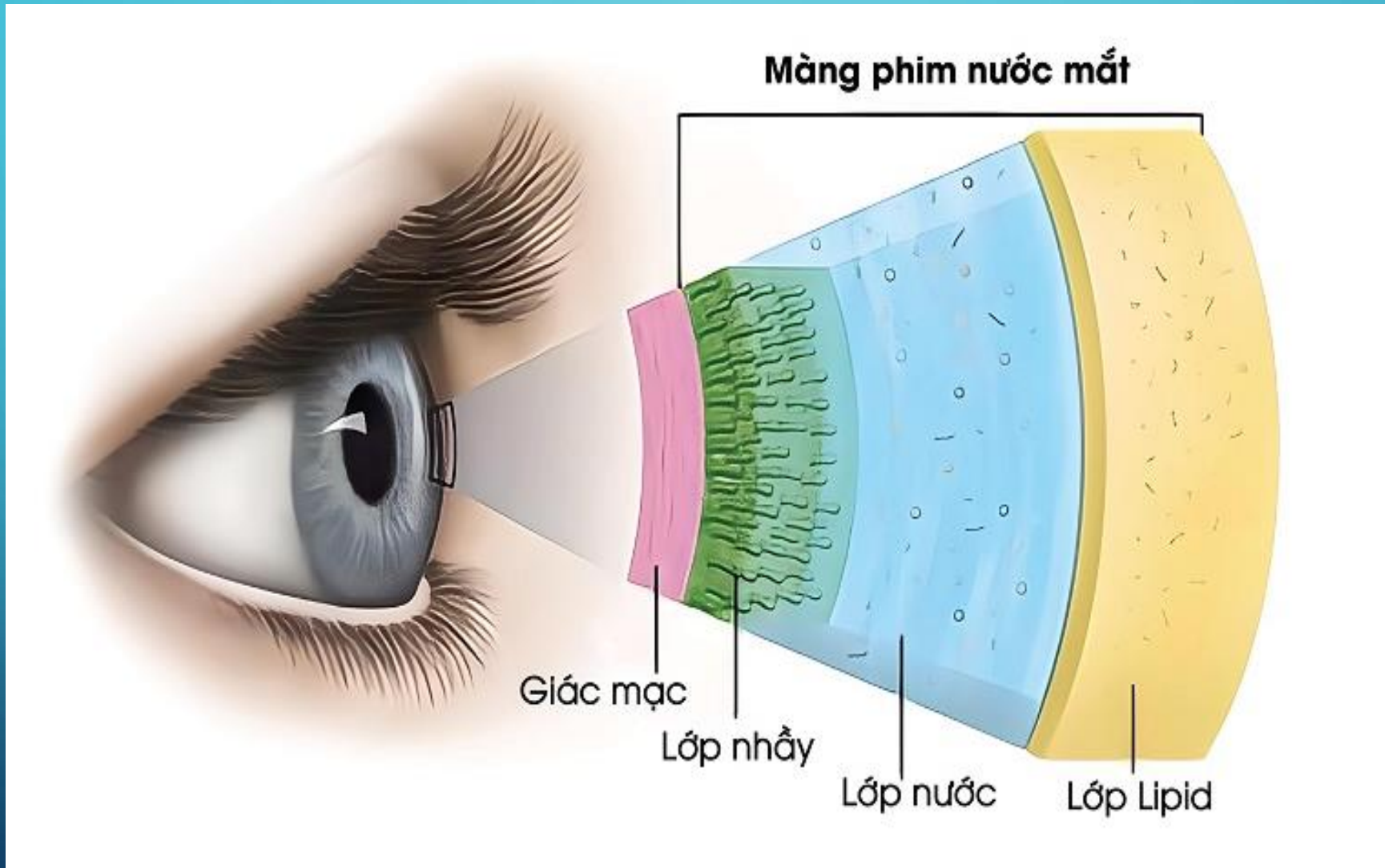
Nhà thuốc (bao gồm cả các thuốc liệt kê trong phần nội trú)

Hyaluron Eye Drops	Natri hyaluronat	0,1% (0,88ml)	Dung dịch
Lacrifresh moisture unidose		0,1% (0,4ml)	Dung dịch
Gilan-Comfort		0,18% (0,4ml)	Dung dịch
Gilan Ultra-Comfort		0,3% (0,4ml)	Dung dịch
Taurine-Solopharm	Taurine	4% (1ml)	Dung dịch
Cationorm	Dầu khoáng + glycerol tyloxapol + poloxamer 188 + tris hydroclorid + tromethamin +	1% + 1,6% + 0,3% + 0,1% + 0,071% +	Nhũ tương
	cetalkonium clorid + nước pha tiêm vđ	0,006% + 0,002% (0,4ml)	

NƯỚC MẮT NHÂN TẠO

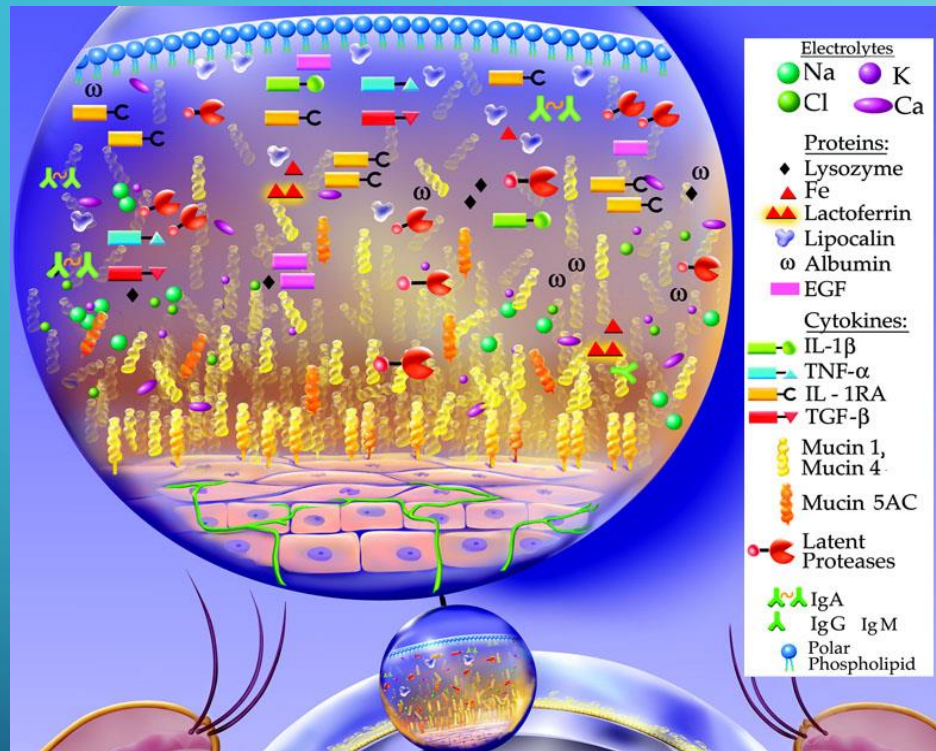


CẤU TẠO MÀNG FILM NƯỚC MẮT



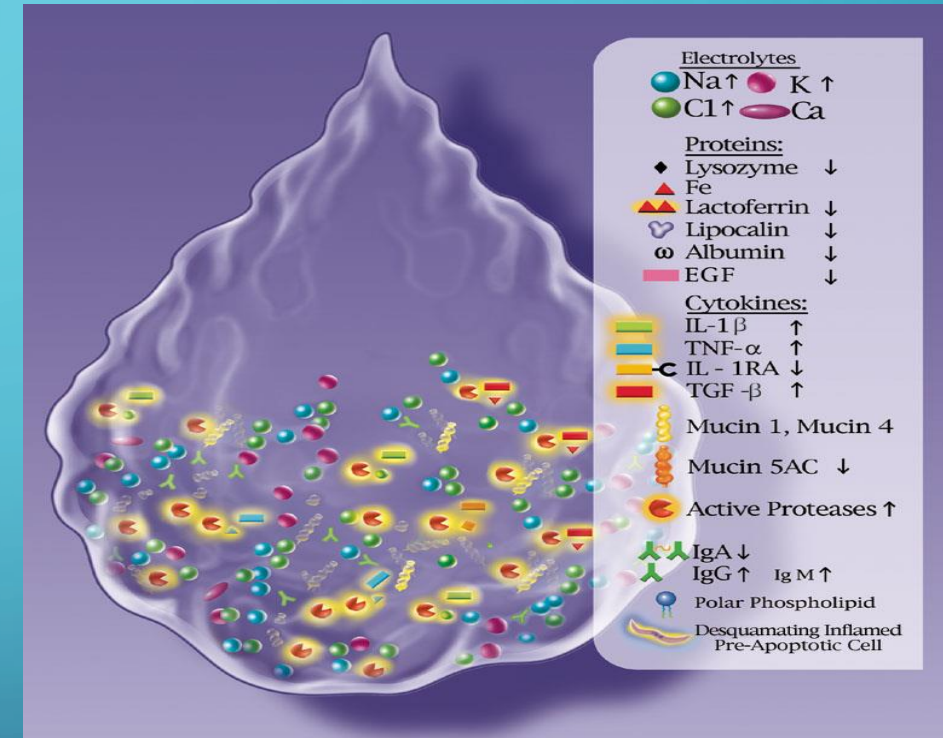
THÀNH PHẦN NƯỚC MẮT

Nước mắt khỏe mạnh^{1,2}



- Chứa điện giải, proteins và mucins
- Cân bằng giữa các lớp lipid, nước và mucin^{1,2}

Nước mắt ở khô mắt mãn tính³⁻⁵



- Mất cân bằng điện giải
- Giảm tiết các yếu tố kháng viêm⁵
- Tăng sản xuất các cytokines tiền viêm⁵
- Hoạt hóa các cytokines⁵

1. Stern ME, Beuerman RW, Pflugfelder SC. The normal tear film and ocular surface. In: Pflugfelder SC, Beuerman RW, Stern ME, editor. Dry eye and ocular surface disorders. New Delhi: Marcel Dekker; 2004. p. 41-62.

2. Tu EY, Rheinstrom S. Dry eye. In: Yanoff M, Duker JS editor. Ophthalmology. 2nd ed. St Louis: Mosby; 2004; p. 520-6.

3. Beuerman RW. Tear Composition in Health and Disease. Asian J Ophthalmol 2005;7(2 Suppl 1):2-4.

4. Pflugfelder SC, Stern ME. Ocular surface inflammation: the name of the game. Asian J Ophthalmol 2005;7(2 Suppl 1):9-11.

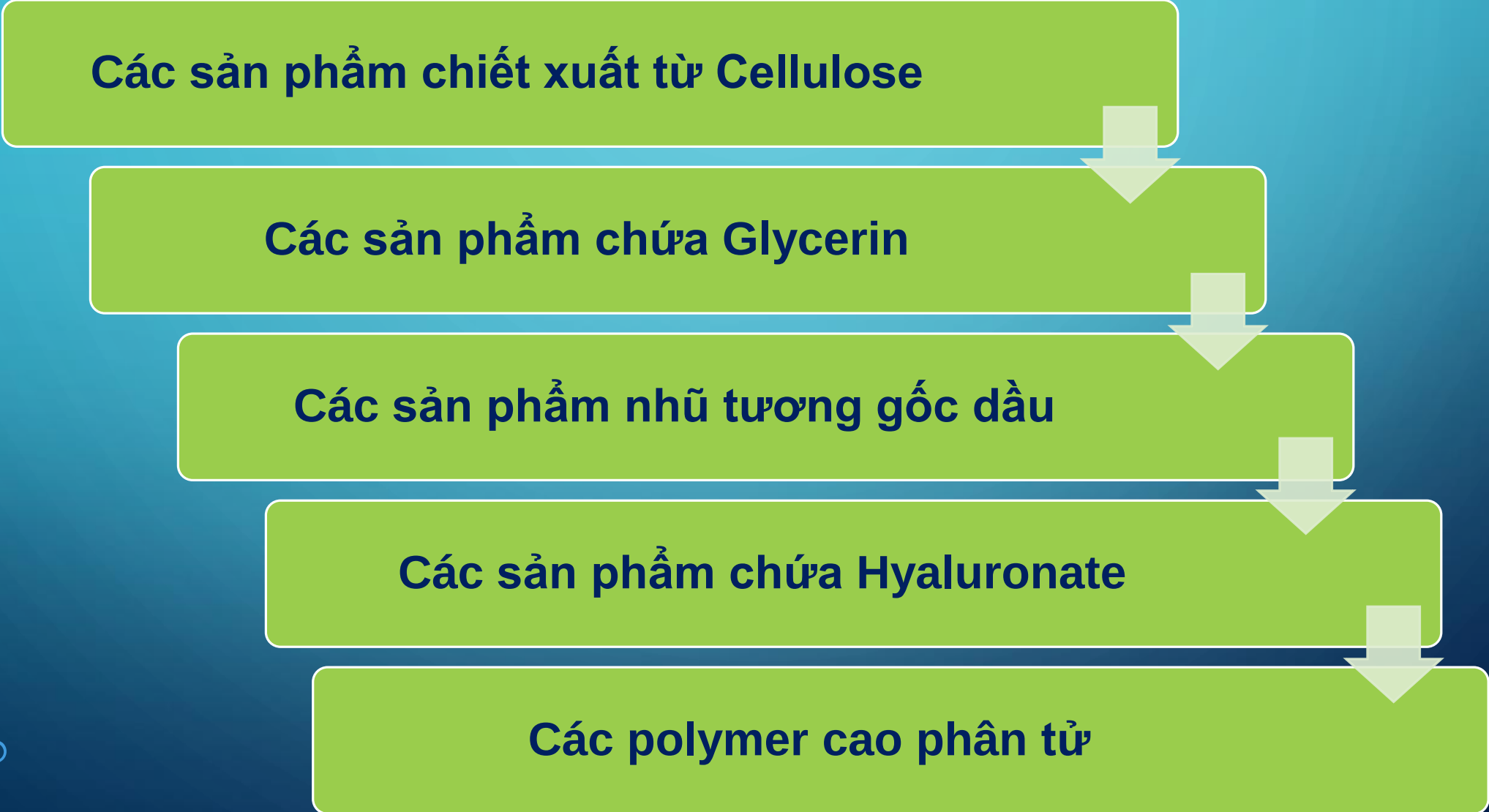
5. Stern ME. Pathophysiology and allergy of the lacrimal functional unit: what goes wrong with our tear secreting apparatus. Asian J Ophthalmol 2005;7(2 Suppl 1):5-8

TÁC DỤNG CỦA NƯỚC MẮT NHÂN TẠO



CÁC NHÓM THÀNH PHẦN CÓ TÁC DỤNG DƯỠNG ẨM, BÔI TRƠN MẮT

Các sản phẩm chiết xuất từ Cellulose



```
graph TD; A[Các sản phẩm chiết xuất từ Cellulose] --> B[Các sản phẩm chứa Glycerin]; B --> C[Các sản phẩm nhũ tương gốc dầu]; C --> D[Các sản phẩm chứa Hyaluronate]; D --> E[Các polymer cao phân tử];
```

Các sản phẩm chứa Glycerin

Các sản phẩm nhũ tương gốc dầu

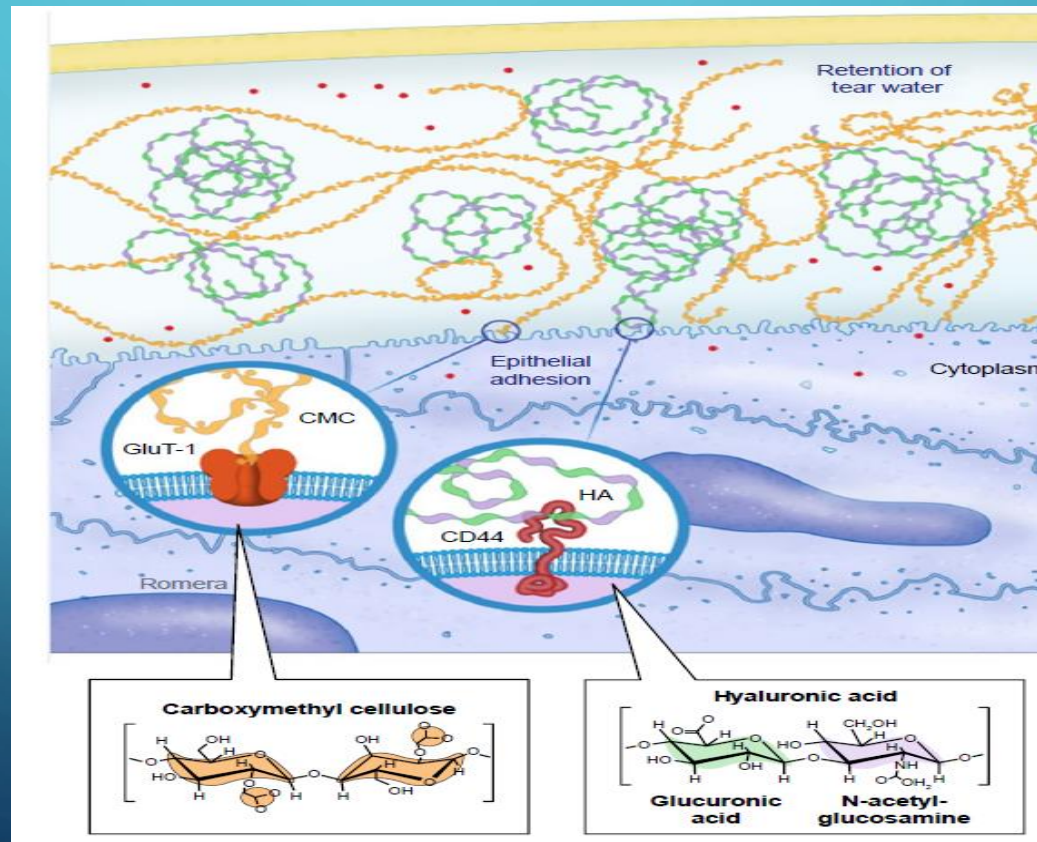
Các sản phẩm chứa Hyaluronate

Các polymer cao phân tử

CÁC SP CHIẾT XUẤT TỪ CELLULOSE

1. Carboxymethylcellulose (CMC)

Phân tử CMC có thể liên kết với TB biểu mô giác mạc bằng cách gắn với các tiểu đơn vị glucopyranose (GluT-1) – chất vận chuyển glucose. CMC duy trì độ ẩm của màng film nước mắt bằng cách kết dính vào các tế bào biểu mô



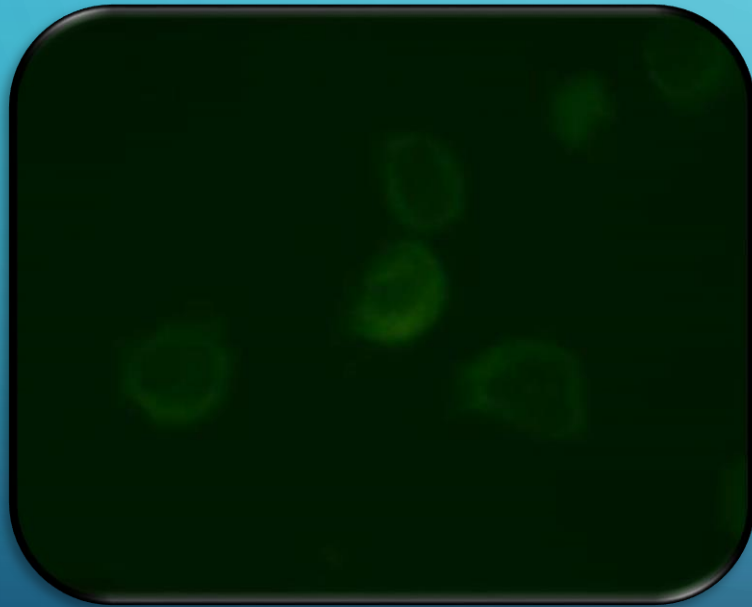
Lớp lipid

Lớp nước mắt

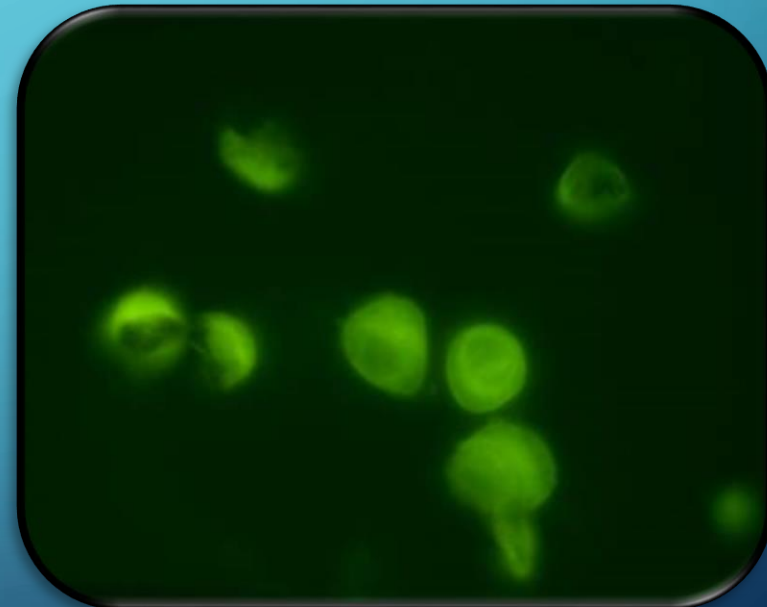
Lớp mucin

CÁC SP CHIẾT XUẤT TỪ CELLULOSE

- CMC bảo vệ tế bào bằng cách gắn kết với bề mặt biểu mô giác mạc
- Kết dính chặt chẽ và độ nhớt lý tưởng → Mang lại sự bảo vệ và cảm giác dễ chịu kéo dài



Control

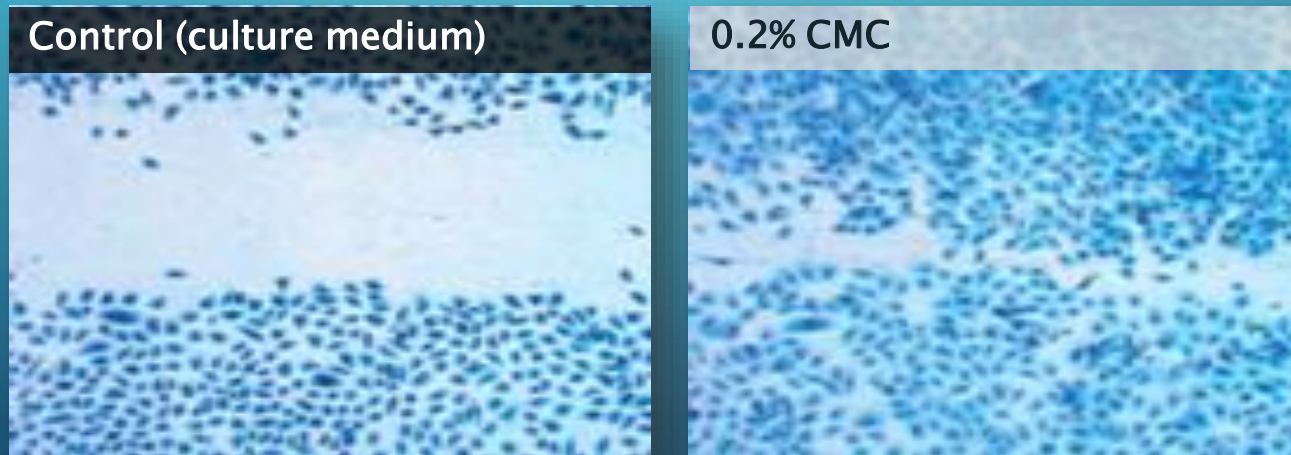


CMC

CÁC SP CHIẾT XUẤT TỪ CELLULOSE

CMC giúp lành tổn thương biểu mô giác mạc

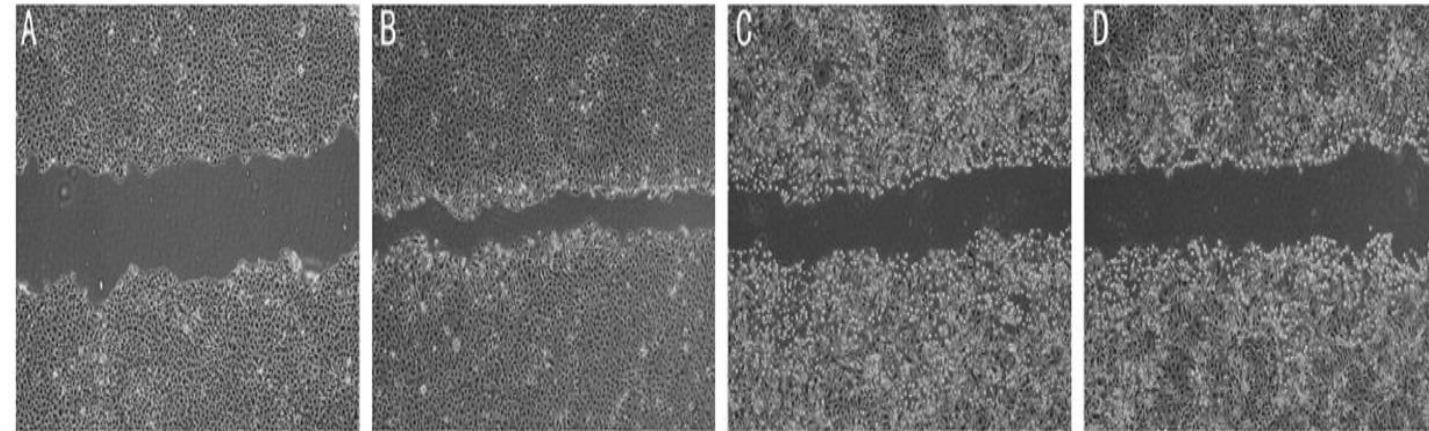
- Thúc đẩy kết tập tế bào
- Tăng sự kết dính tế bào vào chất nền ngoại bào
- Kích thích sự tăng sinh số lượng tế bào



Sự kết tập & đóng miệng vết thương ở tế bào biểu mô giác mạc

CÁC SP CHIẾT XUẤT TỪ CELLULOSE

- NC Jong Soo Lee và CS, 2015 so sánh hiệu quả làm lành tổn thương biểu mô giác mạc CMC & HA. TB biểu mô giác mạc được điều trị bằng CMC 0,5%, HA 0,3% và HA 0,1% đã đóng vết thương nhiều hơn đáng kể.
- CMC cũng cho kết quả giảm đến 80% chiều rộng của vết thương, vượt trội hơn hẳn so với HA 0.1%, 0.3% dưới 60% → CMC 0.5% giúp làm lành tổn thương tốt hơn so với HA.

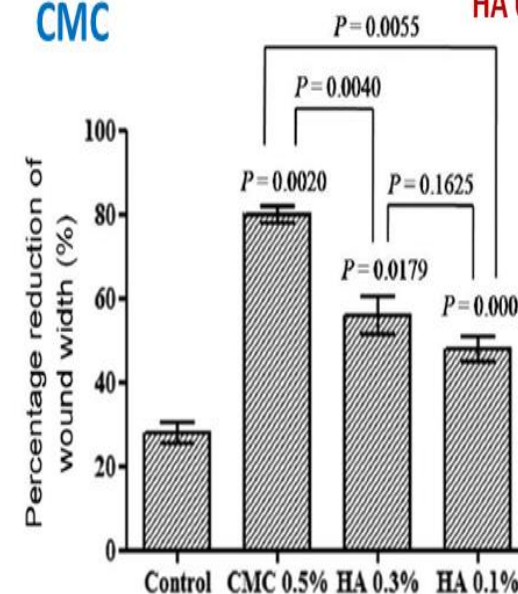


Control

CMC

HA 0.3%

HA 0.1%



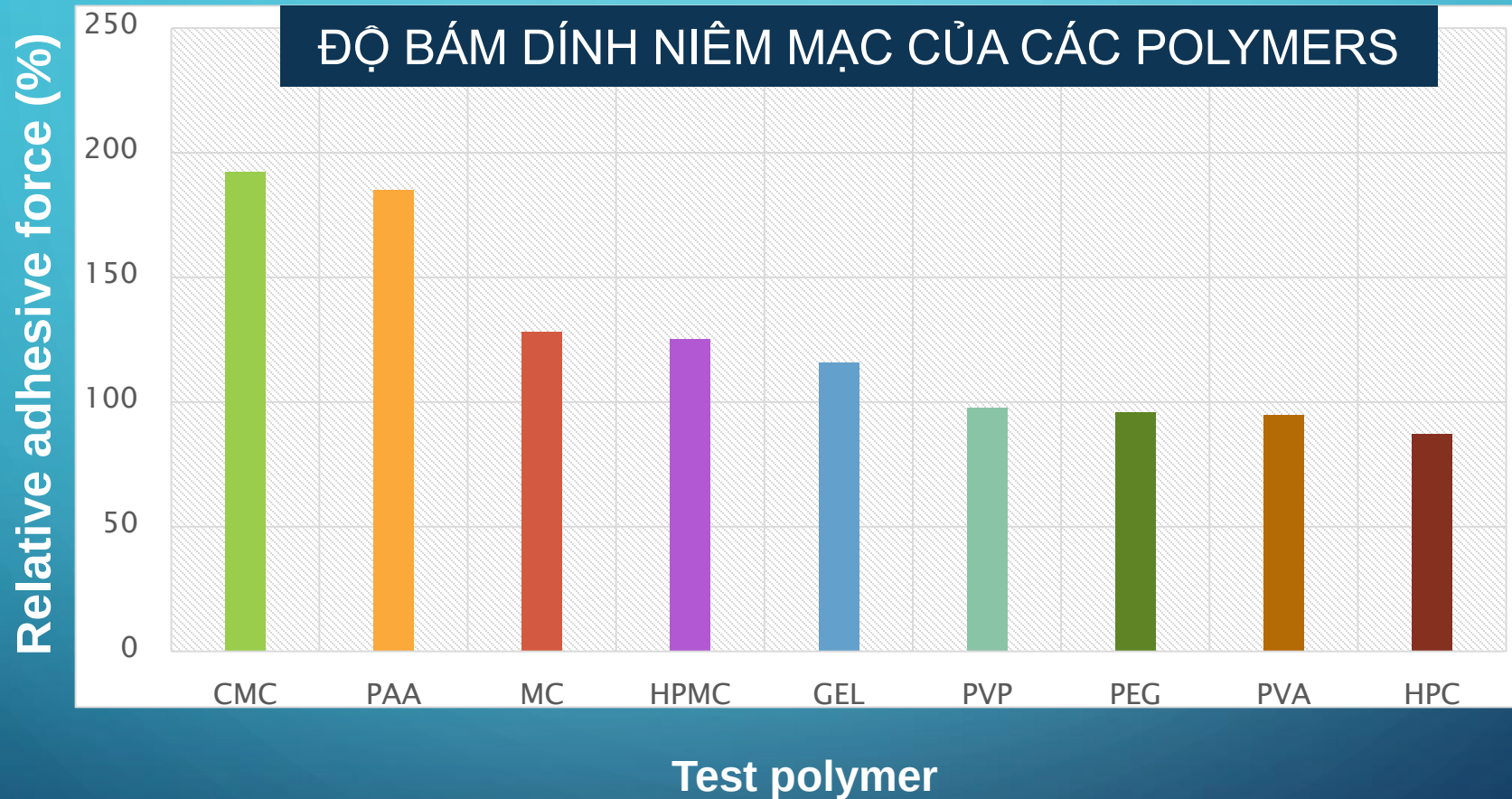
CÁC SP CHIẾT XUẤT TỪ CELLULOSE

2. *Hydroxypropyl methylcellulose/Hydroxypropyl methylcellulose + Dextran*

Hydroxypropyl methylcellulose (HPMC) còn được gọi tắt là Hypromellose, có tính trơn và nhớt, có khả năng tạo thành dung dịch keo khi hòa tan trong nước nên có khả năng tạo một lớp màng giữ nước trên bề mặt giác mạc, kéo dài thời gian phân hủy của màng nước mắt → bôi trơn và bảo vệ mắt, ngăn chặn sự bay hơi nước, ngăn ngừa tổn thương kết mạc và giác mạc

Sự kết hợp của HPMC và Dextran 70 giúp kéo dài thời gian lưu nước mắt nhân tạo, làm nhẵn bề mặt giác mạc, giúp cải thiện thị lực.

CÁC SP CHIẾT XUẤT TỪ CELLULOSE



Carboxymethylcellulose (CMC), Poly Acrylic Acid (PAA), Methylcellulose (MC), Hydroxypropyl Methylcellulose (HPMC), Polyvinylpyrrolidone (PVP), **Polyethylene Glycol (PEG) - SYSTANE**, Polyvinyl Alcohol (PVA), Hydroxypropyl Cellulose (HPC), Ethyl Cellulose (EC), Hydroxyethyl Cellulose (HEC)

CÁC SP CHỮA CELLULOSE

Sản phẩm	Refresh Tears	Refresh Liquigel	Optive MD	Optive UD	Syseye	Teledrop
Hoạt chất	CMC 0.5%	CMC 1%	CMC 0.5%, Glycerin 0.9%	CMC 0.5%, Glycerin 0.9%	HPMC	HPMC + Dextran 70

Hình ảnh sản phẩm



CÁC SẢN PHẨM NHũ TƯƠNG GỐC DẦU



Cationorm là nhũ tương hình thành bởi một pha nước và một pha dầu. Thành phần chính là *Dầu khoáng + Glycerol tyloxapol + Poloxamer 188 + Tris hydroclorid + Tromethamin + Cetalkonium clorid + Nước pha tiêm vđ*

Nhũ tương dầu trong nước có điện tích (+) nên tạo ra một lực hấp dẫn mạnh với điện tích (-) trên bề mặt nhãn cầu → kéo dài thời gian lưu giữ của thuốc và giữ được độ ẩm bôi trơn trên bề mặt nhãn cầu mà không gây nhòe.

Lớp lipid nhũ tương dầu trong → ổn định màng phim nước mắt → giảm thiểu được sự bay hơi, bảo vệ áp suất thẩm thấu.

CÁC SẢN PHẨM CHỨA HYALURONATE

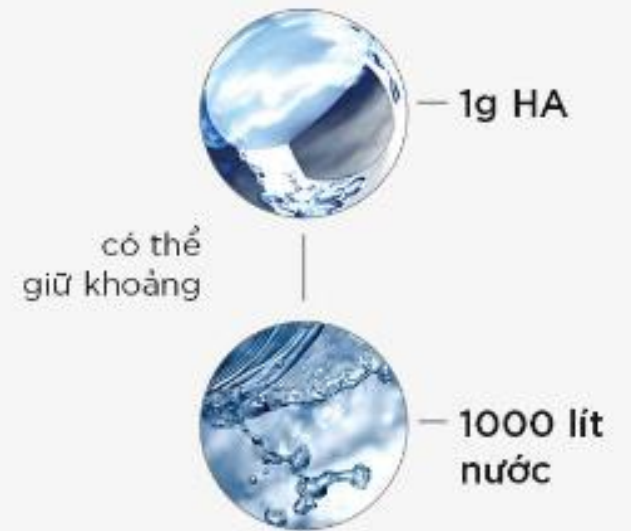
Natri hyaluronate/Sodium

Hyaluronate (HA) là muối natri của acid hyaluronic, một glycosaminoglycan phân tán khắp các mạng lưới ngoại bào của mô liên kết, biểu mô, và mô thần kinh của động vật có vú. Trong mắt, HA được tìm thấy ở màng nước mắt, thủy tinh thể và biểu mô giác mạc



HYALURONIC ACID (HA):

Sở hữu đặc tính giữ nước gấp đến 1000 lần trọng lượng của nó.

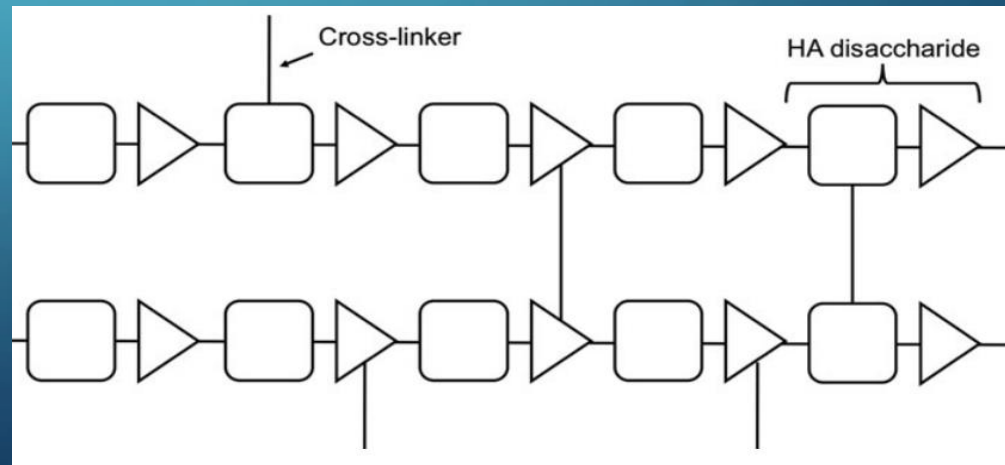
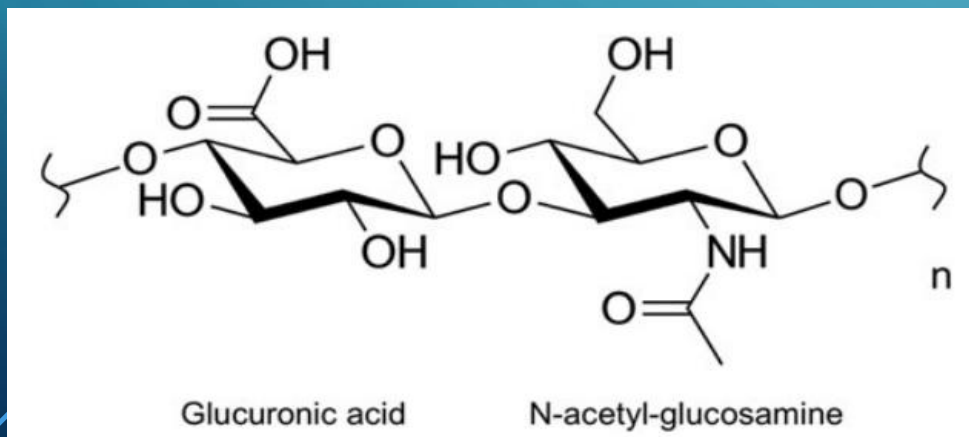


HYALURONIC ACID (HA)

CÁC SẢN PHẨM CHỨA HYALURONATE

Xu hướng được lý hiện nay là HA có thể được biến đổi theo nhiều cách khác nhau để cải thiện các đặc tính của nó như trọng lượng phân tử, độ nhớt và tính kỵ nước để đạt được sinh khả dụng tốt hơn và khả năng chống lại sự thoái hóa.

Trong nhãn khoa, HA được ứng dụng làm NMNT với các nồng độ 0.1%, 0.15%, 0.18% và 0.2% để ổn định màng nước mắt và hydrat hóa giác mạc → giảm cảm giác nóng rát và tổn thương bề mặt nhãn cầu ở bệnh nhân khô mắt.



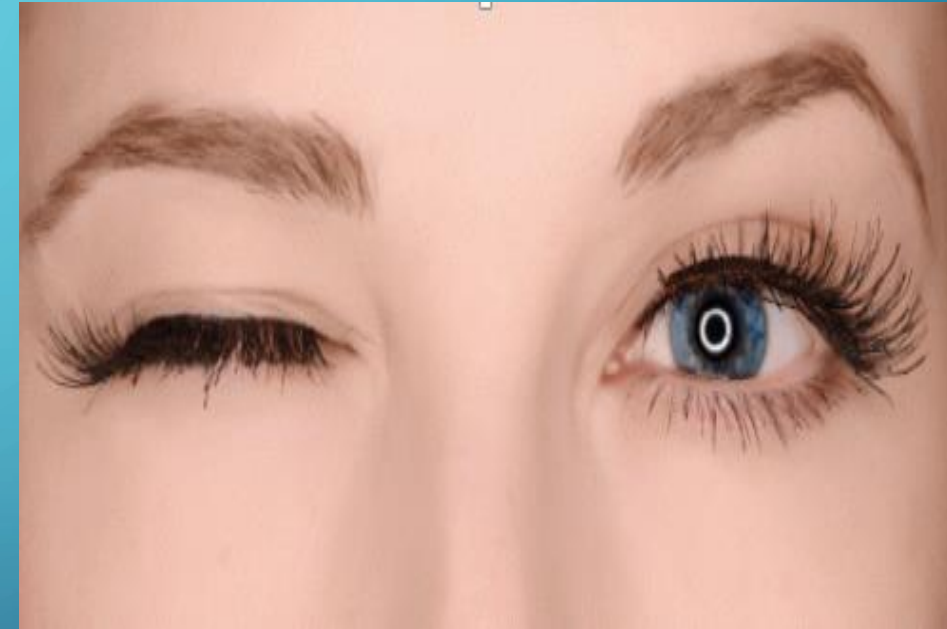
CÁC SẢN PHẨM CHỮA HYALURONATE

HA có 2 vai trò:

1. Khi mở mắt: Độ nhớt của HA cung cấp một lớp phủ bảo vệ không thoát nước → kéo dài thời gian vỗ nước mắt

2. Khi chớp mắt, độ nhớt HA giảm → lan ra khắp mắt khi mí mắt trở về vị trí ban đầu.

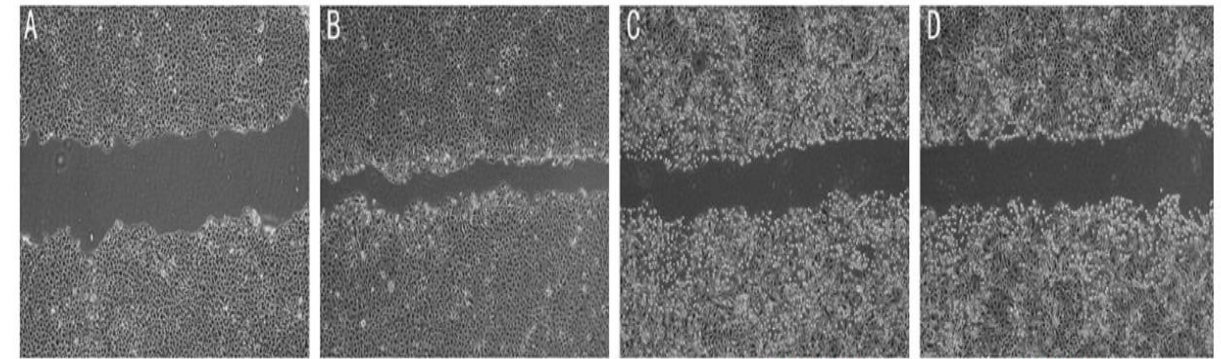
Nhờ đặc tính giữ nước và tính đàn hồi → HA kéo độ ẩm từ môi trường và giữ nước → tạo thành một dung dịch nhớt có tính đàn hồi trong nước để bảo vệ cơ cho mô (mống mắt, võng mạc) và các lớp tế bào (giác mạc, nội mô và biểu mô). → bôi trơn và giữ ẩm mắt.



CÁC SẢN PHẨM CHỨA HYALURONATE

Làm lành vết thương

Sodium hyaluronate hoạt động như một phương tiện vận chuyển và bảo vệ, đưa các yếu tố tăng trưởng peptide và các protein cấu trúc khác đến nơi chờ thực hiện. Sau đó, các enzyme bị phân hủy và hoạt tính protein được giải phóng để thúc đẩy quá trình sửa chữa mô → tạo thuận lợi cho việc chữa lành vết thương

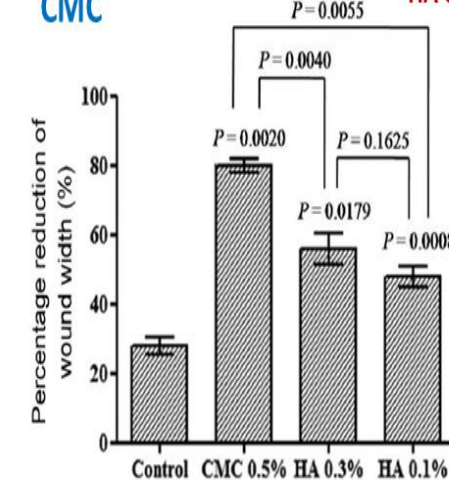


Control

CMC

HA 0.3%

HA 0.1%



CÁC SẢN PHẨM CHỮA HYALURONATE



CÁC POLYMER CAO PHÂN TỬ

1. Carbomer

Carbomer là một gel lỏng. Carbomer dung nạp rất tốt và có tác dụng làm mát tạo cảm giác dễ chịu.

Do có độ nhớt cao, carbomer đặc biệt thích hợp để điều trị triệu chứng khô mắt nặng. Thuốc hình thành lớp bảo vệ giữ ẩm bề mặt nhãn cầu trong thời gian dài.

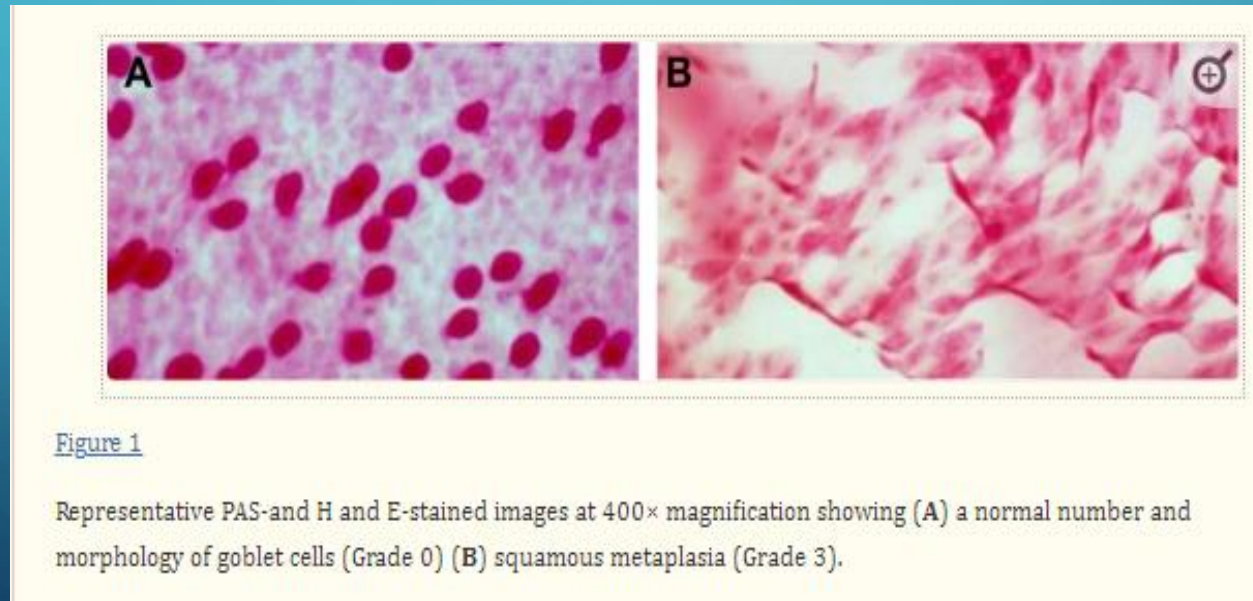


CÁC POLYMER CAO PHÂN TỬ

2. Polyethylen glycol 400 (PEG) + Propylen glycol (PG)

PEG và PG là những hydrogel có đặc tính làm tăng độ nhầy và khả năng bám dính trên bề mặt nhãn cầu. Chúng có khả năng hút nước, duy trì độ ẩm trên bề mặt nhãn cầu khiến cho mắt không bị khô, từ đó giảm triệu chứng khó chịu, kích ứng do khô mắt.

Dị sản tế bào vảy trong bệnh khô mắt (DED) biểu hiện là mất tế bào dài kết mạc dẫn đến giảm tiết chất nhầy và mất ổn định màng nước mắt



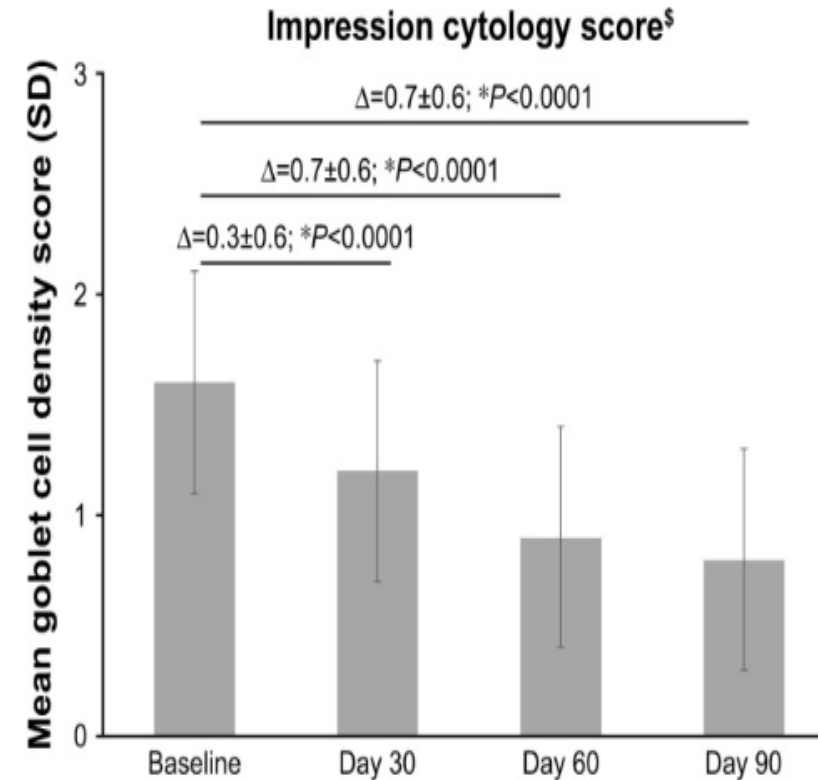
CÁC POLYMER CAO PHÂN TỬ

2. Polyethylen glycol 400 (PEG) + Propylen glycol (PG)

Hiệu quả trong việc giảm dị sản tế bào vảy ở bệnh nhân khô mắt → cải thiện bề mặt mắt nhãn cầu ở những bệnh nhân khô mắt.

Sau 3 tháng sử dụng PEG và PG, chỉ số đánh giá mật độ tế bào đã được cải thiện 50%.

Figure 2



Mean conjunctival impression cytology scores (ie, mean goblet cell density) at baseline and Days 30, 60, and 90 after treatment with PEG-PG/HP-guar artificial tears.

Notes: *P-value for mean change in scores vs baseline. [§]The lower the scores, the greater the improvement.

Abbreviations: PEG-PG/HP-guar, polyethylene glycol-propylene glycol/hydroxypropyl-guar; SD, standard deviation.

CÁC POLYMER CAO PHÂN TỬ

2. Polyethylen glycol 400 (PEG) + Propylen glycol (PG)

TFBUT was 4.8, and increased to 5.8 at Day 30 and 6.3 at Day 60, ending at 6.8 at Day 90.

Sau 90 ngày sử dụng PEG + PG → 61% BN có TFBUT chạm ngưỡng 7s, TFBUT trung bình tăng 2 giây.

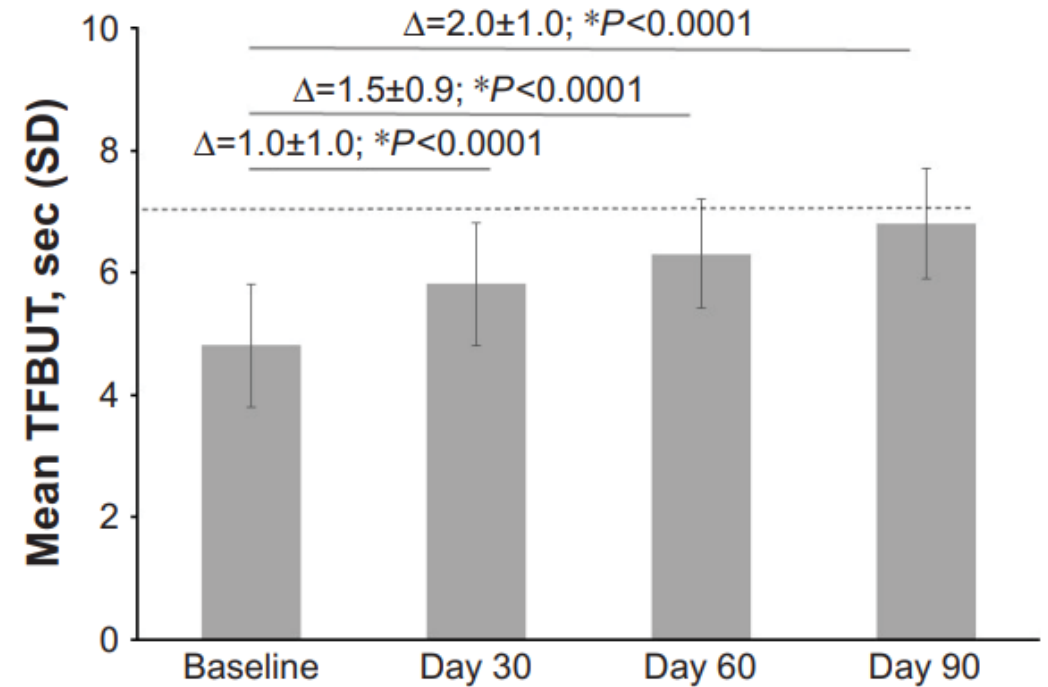


Figure 6 Mean TFBUT at baseline and Days 30, 60, and 90 after treatment with PEG-PG/HP-guar artificial tears.

Notes: *P-value for mean change in scores vs baseline. Dashed lines indicate the inclusion criterion at baseline (TFBUT <7 s).

Abbreviations: PEG-PG/HP-guar, polyethylene glycol–propylene glycol/hydroxypropyl-guar; SD, standard deviation; TFBUT, tear film break-up time.

CÁC POLYMER CAO PHÂN TỬ

2. Polyethylen glycol 400 (PEG) + Propylen glycol (PG)

Công thức nước mắt nhân tạo chứa PEG + PG có tác dụng ổn định và kéo dài màng film nước mắt. Dùng 3 lần mỗi ngày trong 90 ngày → cải thiện mật độ tế bào đài qua việc giảm dị sản tế bào vảy, cải thiện TFBUT và nhuộm giác mạc ở bệnh nhân DED



CHẤT BẢO QUẢN

Chất bảo quản được sử dụng phổ biến trong thuốc nhỏ mắt đa liều, tuy nhiên những báo cáo gần đây cũng như khuyến cáo từ DEWS II 2017 đã đề cập rõ: những chất bảo quản, VD như BAK (Benzalkonium chloride) có thể gây hoặc làm nặng hơn tình trạng khô mắt do hoạt tính tẩy rửa cũng như tác động tiền viêm của nó. Nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò của chất bảo quản trong việc gây ra viêm bề mặt nhãn cầu, dị ứng, xơ hóa và hội chứng khô mắt

Các chất bảo quản gây phá vỡ phim nước mắt và tổn thương tế bào biểu mô bề mặt. Mặc dù nồng độ chất bảo quản trong nước mắt nhân tạo nói chung là thấp, sự hiện diện kéo dài của chúng trên một bề mặt nhãn cầu đã bị tổn thương, như trong khô mắt, có thể gây những tác dụng phụ nghiêm trọng, làm nặng thêm bệnh lý bề mặt nhãn cầu.

PHÂN LOẠI CHẤT BẢO QUẢN

Types of preservatives

Chemical Class	Compounds	Commercial name
Quaternary ammoniums	Benzalkonium Chloride (BAK)	
	Cetrimide	
	Polyquaternium-1	Polyquad® - Alcon
Mercury derivatives	Thiomersal or thimerosal	
Oxidative complexes (Soft preservatives)	Sodium Perborate NaBO_3	Gen Aqua® - Novartis
	S.O.C (Stabilized Oxychloro Complex)	Purite® - Allergan Ocupure® - AMO
	S.C.P (Stabilized Chlorite Peroxide)	Oxyd® - Tubilux
Amidines	Chlorhexidine	
Alcohols	Chlorobutanol	
	Phenylethanol	
Parabens	Methylparaben	

CHẤT BẢO QUẢN

ĐỘC TÍNH CỦA CHẤT BẢO QUẢN BAK

- Phá vỡ phim nước mắt
- Tổn thương tế bào biểu mô bề mặt
- Giảm mật độ tế bào dài
- Cảm ứng thay đổi lớp mucin và lớp lipid
- Làm nặng thêm Hội chứng khô mắt
- Viêm bề mặt nhãn cầu, dị ứng, xơ hóa

**DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU, ĐỌC GIỐNG NHAU (LASA)
NĂM 2023**

Cập nhật ngày 25/09/2023

I. THUỐC ĐỌC GIỐNG NHAU, NHÌN GIỐNG NHAU

STT	Tên thuốc	Tên thuốc nhầm lẫn	Hình ảnh của thuốc
1	Tobradex SUSPENSION (Tobramycin 3mg + Dexamethasone 1 mg) Hỗn dịch nhỏ mắt	Tobradex OINTMENT (Tobramycin 3mg + Dexamethasone 1 mg) Thuốc mỡ tra mắt	
2	Maxitrol SUSPENSION (Dexamethasone 1 mg + Neomycin 3.5 mg + Polymyxin B sulfate 6.000 IU) Hỗn dịch nhỏ mắt	Maxitrol OINTMENT (Dexamethasone 1 mg + Neomycin 3.5 mg + Polymyxin B sulfate 6.000 IU) Thuốc mỡ tra mắt	
3	Oflovid SOLUTION Ofloxacin 0.3% Dung dịch nhỏ mắt	Oflovid OINTMENT Ofloxacin 0.3% Thuốc mỡ tra mắt	
4	Optive (Carboxymethylcellulose natri 5 mg + glycerin 9 mg) Lọ	Optive UD (Carboxymethylcellulose natri 5mg + glycerin 9 mg) Ống	
5	Refresh TEARS (Carboxymethylcellulose sodium 0.5%)	Refresh LIQUIGEL (Carboxymethylcellulose sodium 1%)	
6	Systane Ultra (Polyethylen glycol 400 0.4% + propylen glycol 0.3%) Lọ	Systane Ultra UD (Polyethylen glycol 400 0.4% + propylen glycol 0.3%) Ống	
7	Cravit 0.5% (Levofloxacin 0.5%)	Cravit 1.5% (Levofloxacin 1.5%)	
8	Sanlein 0.1% (Natri hyaluronat 0.1%)	Sanlein 0.3% (Natri hyaluronat 0.3%)	
9	Medrol 4MG (Methyl prednisolone 4mg)	Medrol 16MG (Methyl prednisolone 16mg)	

10	MedSkin 200 (Acyclovir 200mg)	MedSkin 400 (Acyclovir 400mg)	
11	Effergal gói 250MG (Paracetamol 250mg)	Effergal gói 80MG (Paracetamol 80mg)	
		Effergal gói 150MG (Paracetamol 150mg)	
12	Effergal viên đạn 300MG (Paracetamol 300mg)	Effergal viên đạn 80MG Paracetamol 80mg	
		Effergal viên đạn 150MG Paracetamol 150mg	
13	Glucose 5%	Glucose 30%	
14	SOLU-Medrol (Methylprednisolon 40mg) Dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	DEPO-Medrol (Methylprednisolon 40mg) Hỗn dịch tiêm bắp, tiêm trong khớp và mô mềm	
15	MEDOCLAV 625mg (Amoxicillin 500mg + acid clavulanic 125mg)	MEDOCLAV 1g (Amoxicillin 875mg + acid clavulanic 125mg)	
16	Tenamyd-Cefotaxime 1g (Cefotaxime 1g)	Tenamyd-Ceftazidime 1g (Ceftazidime 1g)	

II. THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU, TÊN KHÁC NHAU

STT	Tên thuốc	Tên thuốc nhầm lẫn	Hình ảnh của thuốc
17	Restasis (Cyclosporin 0,05%)	Acuvail (Ketorolac tromethamine 4,5mg)	
		Optive UD (Carboxymethylcellulose natri 5mg + glycerin 9 mg)	
18	Alegysal (Pemirolast kali 0.1%)	Diquas (Natri Diquafosol 3%)	

19	Pred Forte (Prednisolone acetate 1%)	FML (Fluorometholone 0.1%)	
20	Maxitrol Suspension (Dexamethasone 1 mg + Neomycin 3.5 mg + Polymyxin B sulfate 6,000 IU)	Tobradex Suspension (Tobramycin 3mg + Dexamethasone 1 mg)	
21	Adrenalin 1mg/1ml Epinephrin (adrenalin) 1mg/1ml	Gentamicin 80mg/2ml Gentamicin 80mg/2ml	
22	Natri clorid 0,9% 10ml	Atropin sulfat 1% 5ml	
23	Natri clorid 0,9% 100ml	Glucose 5% 100ml	



XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN

